

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: **Tăng-già-bạt-đà-la** - Việt dịch: **Tỳ kheo Tâm-Hạnh**

Quyển thứ nhất

Phẩm Tựa

-ooOoo-

Thành kính đánh lễ chư Phật .

Đấng trong trăm ức kiếp, Thời gian không thể lường,
Vì tất cả chúng sinh, Đến tận nơi cực nhọc,
Đề độ khắp thế gian, Quy y Đại-từ-bi.
Do không biết giáo pháp, Sinh tử mãi thế gian,
Cúi đầu xin đánh lễ, Pháp vi diệu thâm thâm.
Phá trừ tan nát hết, Lưới vô minh phiền não.
Bậc đấng Giới-định-tuệ, Giải thoát, hạnh viên mãn,
Tu tập nhiều công đức, Tăng bảo ruộng phước tốt,
Con nhất tâm quy ngưỡng, Đem đầu mặt kính lạy.
Quy kính Tam-Bảo rồi, Xin thuyết nghĩa Tỳ-ny,
Đề chánh pháp trường tồn, Lợi ích khắp chúng sinh,
Nguyên đem công đức này, Tiêu trừ các nạn ác,
Ai ưa thích trì giới, Giải thoát các khổ đau.

-oOo-

Thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

Xin thuyết minh rằng: - Giới luật được nói lần đầu tiên khi đức Thế Tôn ở tại Tỳ-Lan-Nhã (Tena samayena buddho bhagavà veranjāyam viharati). Điều này được Ưu Ba Ly (Upāli) là vị đứng đầu nói ra trong đại hội kết tập giữa đại chúng 500 vị Tỳ kheo. Vì sao? Khi mới thành đạo, Như Lai đến vườn Lộc-dã chuyển pháp luân Tứ-đế, cuối cùng thuyết pháp độ Tu Bát Đà La (Subhadda). Khi làm xong những điều cần làm, giữa rừng cây Sa-la thuộc quốc vương họ Mạt-la (Māla) nước Câu-thi-na (Kusinara) vào lúc rạng sáng ngày 15 tháng 2 (Visakha punnamadivasa paccusasamaya), Ngài nhập Vô-đur Niết-bàn.

Sau đó bây giờ, từ nước Diếp-Ba (Pāvā) Ca Diếp cùng 500 Tỳ kheo tăng trở về nước Câu-thi-na thăm viếng Thế Tôn. Trên đường gặp một đạo sĩ, Ca Diếp hỏi:

- Ông gặp đại sư của tôi không?

Đạo sĩ đáp:

- Sa môn Cù-Đàm thầy của ông qua đời đã bảy ngày rồi. Sau khi vị ấy Niết-bàn, trời người đến cúng dường, tôi lấy được hoa trời Mạn-đà-la này ở đó.

Nghe Phật đã Niết-bàn, Ca Diếp cùng các đại Tỳ kheo quay quắt khóc lóc ngã lăn ra đất. Khi ấy, có Tỳ kheo tên Tu-Bạt-Đà-La Ma-Ha-La (Subhādra mahallaka) nói rằng thôi ngừng lại đi, có gì đáng khóc, khi Đại sa-môn ấy còn sống thì việc này tịnh, việc này bất tịnh, việc này nên làm, việc này không nên làm; từ nay tùy theo ý thích của ta, muốn làm thì làm, không làm thì thôi.

Im lặng ghi nhớ lời nói ấy, Ca-Diếp suy nghĩ: ác pháp chưa phát sinh, hãy kết tập pháp-tạng. Nếu chánh pháp có mặt ở đời thì lợi ích cho chúng sinh.

Ca-Diếp lại suy nghĩ: khi còn tại thế, Phật bảo A-Nan rằng sau khi Ta Niết-bàn, những pháp và giới đã được nói ra là vị Thầy cao cả của ông (Dhammo ca vinayo ca desito pannatto so vo mam' accayena satthā), vì vậy Ta sẽ thuyết pháp ấy.

Ca-Diếp thầm nghĩ: khi còn tại thế Như Lai đã đem y ca-sa (Kāsāyani vatthāni) cho ta. Và đức Phật đã từng bảo các Tỳ kheo rằng khi Ta vào thiên định thứ nhất, Ca-Diếp cũng vào định ấy; như vậy là Như Lai khen ngợi ta. Ta được thánh lợi mỹ mãn không khác gì Phật. Đó là nhờ công đức của Như Lai ban cho ta. Cũng như người tráng sĩ cởi áo giáp đang mặc trao cho con mình bảo nó bảo hộ giòng dõi. Như Lai biết và nói trước rằng sau khi Ngài diệt độ, Ca-Diếp sẽ hộ trì chánh pháp. Thế nên Như Lai ban y ấy cho ta.

Tập hợp các Tỳ kheo tăng, Ca-Diếp nói:

- Trước đây, tôi nghe Tu-bạt-đà-la ma-ha-la nói rằng khi Đại sa-môn còn sống, việc này tịnh việc này bất tịnh, việc này nên làm việc này không nên làm, từ nay theo ý thích của ta, muốn làm thì làm, không làm thì thôi. Thưa các trưởng lão, chúng ta nên kết tập pháp-tạng và luật-tạng.

Các Tỳ kheo thưa với đại đức Ca-Diếp:

- Đại đức nên lựa chọn các Tỳ kheo. Nay Đại đức Ca-Diếp, vị ái-tận Tỳ kheo thông suốt tất cả chín bộ phận của Phật pháp (Sakalanavangassatthusāsana pariyattidhare), tất cả học nhân Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, không chỉ số trăm hay ngàn vị (aneka sate anekasahassa). Bậc ái-tận Tỳ kheo thông hiểu ba tạng, đạt đến bốn (vô ngại) biện, có năng lực thần thông lớn, chứng ba đạt trí, được Phật khen ngợi, chỉ có 499 vị. Đại đức Đại Ca-Diếp lý do chỉ chọn lựa được 499 vị, vì trưởng lão A-Nan (Ananda) đang ở địa vị hữu học (Sekha sakaraniya) nên không được tính vào. Nhưng nếu không có trưởng lão A-Nan thì không có người kết tập pháp.

Vì ngăn chặn những sự phi báng, đại đức Ca-Diếp (Mahākassapa) không chọn lấy A-Nan. Do đó, các Tỳ kheo thưa:

- A-Nan tuy ở địa vị hữu học nhưng trước đây đã thân cận Phật nên thọ trì kinh và kệ (Sutta geyya), mến chuộng pháp, là bậc kỳ lão, là em con chú trong thân tộc Thích-Ca của Như Lai, lại không còn thân cận với ba độc. Đại đức Ca-Diếp, nên nhận lấy A-Nan để đủ số 500 vị; đây là ý kiến của thánh-chúng.

Các vị đại đức Tỳ kheo suy nghĩ: nên kết tập pháp tạng ở đâu? Thành Vương-xá (Rājagaha) có đầy đủ các việc cho sinh hoạt, chúng ta nên đến đó an cư ba tháng để kết Tỳ-ny tạng, không nên để các Tỳ kheo khác an cư ở đó. Vì sao? Sợ các Tỳ kheo khác không tùy thuận, nên bảo họ đi nơi khác.

Bấy giờ, đại đức Ca-Diếp bạch nhị kiết-ma (nattidutiyakamma) được nói rõ trong phẩm Tăng-kỳ (Samgītikkhanda).

Sau khi Như Lai Niết-bản, lễ hội (sādhukilana) được tổ chức suốt bảy ngày và cúng dường (Dhātupūja) xá-ly trong bảy ngày, kéo dài đến nửa tháng, và chỉ còn một tháng rưỡi nữa là mùa hạ.

Biết gần đến an cư, Ca-Điếp bảo các trưởng lão: Đã đúng lúc chúng ta lên đường đến thành Vương Xá.

Đại đức Ca-Điếp đưa 250 Tỷ kheo đi bằng một đường. Đại đức A-Nâu-Lâu-Đà (Anuruddhatthera) đưa 250 Tỷ kheo đi bằng đường khác. Hiền giả A-Nan giữ ca-sa (pattacivara) của Như Lai với chúng Tỷ kheo vây quanh đi đến trú xứ cũ của Như Lai tại nước Xá-vê (Sāvatti). Gặp lại A-Nan, nhân dân thành Xá-vê, buồn khổ khóc lóc hỏi:

- Hiện nay Như Lai ở đâu mà ngài đến một mình vậy?

Mọi người gào khóc như là Như Lai mới vừa vào Niết-bản. Hiền giả A-Nan giáo hóa mọi người bằng pháp vô thường. Sau khi giáo hóa, A-Nan vào vườn Kỳ-thọ (Jetavana), mở cửa phòng của Phật (Dasabalana vasitagandhakuti), đem giường tòa của Ngài (mancapitha) ra ngoài lau chùi và vào trong dọn rửa phòng, sau khi lau quét, vứt bỏ hoa cúng dường đã héo, rồi xếp đặt giường tòa lại như cũ. Hiền giả A-Nan làm các việc cúng dường như khi Phật còn tại thế.

Sau khi Phật nhập Niết-bản, A-Nan ngồi quá nhiều, thân thể mệt nhọc, muốn điều trị nên phải dùng sữa lầy trong lợi dưỡng tại chùa trong ba ngày. Khi ấy có Bà-la-môn Tu-bà-na (Subha-màvana) đến thỉnh A-Nan. A-Nan đáp:

- Hôm nay tôi dùng thuốc nên không nhận lời được, ngày mai sẽ đến.

Hôm sau, A-Nan đem theo một trưởng lão Tỷ kheo đến nhà Tu-bà-na. Vì Tu-bà-na hỏi về ý nghĩa của kinh, thế nên trong phẩm thứ mười của A-hàm gọi là kinh Tu-bà-na (Dīghanikāye Subha-suttam nāma dasamam suttam).

Sau khi sửa chữa phòng xá tại vườn Kỳ-thọ xong, muốn nhập hạ an cư nên A-Nan đi đến thành Vương-xá.

Đại đức Ca-Điếp, A Nậu Lâu Đà và chúng Tỷ kheo cùng đến thành Vương-xá. Trông thấy cả 18 chùa lớn đều bị hao vì sau khi Như Lai diệt độ, các Tỷ kheo vứt bỏ giá mắc y và các vật khác ngổn ngang để ra đi, nên bữa bữa như vậy, cả 500 đại đức bị xô theo lời Phật dạy, sửa chữa phòng nhà (vihāra parivena). Nếu không sửa chữa thì ngoại đạo sẽ nói rằng khi còn sống, sa-môn Cù-đam sửa chữa phòng xá, sau khi Niết-bản đệ tử vứt bỏ đi. Vì ngăn ngừa sự chê bai này, cần phải sửa chữa. Ca-Điếp nói: - Khi còn tại thế, đức Phật khen ngợi việc trước tiên của an cư là sửa chữa phòng xá.

Sau khi tính toán dự trừ, Ca-Điếp đến gặp vua A-Xá-Thế để xin chi phí. Thấy Tỷ kheo đến, vua lạy sát đất làm lễ và thưa: đại đức cần việc gì?

Ca-Điếp đáp: - Cả mười tám chùa lớn đều bị hư, muốn sửa chữa lại, nhà vua biết cho.

Vua đáp: - Lành thay.

Vua cung cấp người đến sửa chữa. Trong tháng trước mùa hạ, Ca-Điếp sửa chữa xong chùa. Sau đó, tôn giả đến gặp nhà vua thưa:

- Việc sửa chữa chùa đã xong, hiện nay chúng tôi muốn kết tập pháp-tạng và tỳ-ny-tạng.

Vua đáp:

- Rất tốt, cầu chúc ý nguyện thành tựu.

Nhà vua lại nói:

- Con sẽ chuyển pháp-luân uy lực của vua chúa (Ànàcakka), các đại đức sẽ diễn thuyết pháp luân vô thượng (Dhammacakka). Con xin tuân hành sự sai khiến của các đại đức.

Chúng tăng đáp:- Trước tiên, xây dựng giảng đường.

Vua hỏi: - Xây dựng chỗ nào?

Đáp: - Có thể xây bên cạnh cửa thiền thất ở sườn trước của núi Đê-bàn-na-ba-la (Vebhàrapabbatapassa Sattapanniguhāvāra), vì nơi ấy yên tịnh.

Vua thưa: - Rất tốt.

Nhờ vào uy lực của vua A-xà-thế cũng như bằng kỹ xảo của Tỳ-xá-thiên ở cõi trời Đao-ly thứ hai (vissakamma), không bao lâu giảng đường đã hoàn thành với đầy đủ kèo cột, vách ngăn, hành lang, chạm khắc nhiều kiểu kỳ lạ. Trên giảng đường, được trang trí với những vật báu xinh đẹp, treo các loại hoa rực rỡ khắp nơi. Dưới đất cũng vậy, trang trí bằng các loại xinh đẹp kỳ lạ không khác cung điện của Phạm-thiên (Brahmavimāna). Năm trăm tòa ngói hướng về phương Bắc được trải bằng nệm len dày. Lại nữa, trong số những tòa cao được trang trí bằng các loại báu, chiếc tòa cao tinh xảo xinh đẹp nhất được chọn đặt hướng về phương Đông để chuẩn bị làm tòa thuyết pháp.

Chúng tăng bảo A-Nan: - Ngày mai, tập họp chúng tăng, kết tập tạng luật nhưng thầy còn ở địa vị Tu-đà-hoàn đạo thì làm sao gia nhập được. Thầy chớ thôi chí.

Khi ấy, A-Nan suy nghĩ: - Ngày mai thánh chúng kết tập pháp, ta với địa vị sơ học làm sao vào được?

Vào đầu đêm, A-Nan quán niệm về thân (Kāyagatāya satiyā vitināmetvā) mãi đến nửa đêm cũng chưa chứng đắc. A-Nan suy nghĩ: Trước đây, Thế Tôn có dạy rằng ta đã tu tập các công đức, nếu nhập thiền định thì mau chứng la-hán, lời Phật dạy là chắc thật, chỉ vì tâm ta tinh cần thái quá, từ nay phải tu tập thuận theo trung đạo.

Từ chỗ kinh hành (camkama), sau khi đi rửa sạch chân rồi vào phòng, A-Nan ngồi trên giường. Muốn nghỉ ngơi một chút nên nghiêng người định nằm xuống, trong lúc chân vừa hồng đất, đầu chưa đụng gối thì tôn giả chứng quả La-hán. Nếu có người hỏi rằng trong Phật pháp, vị nào đắc đạo không ở trong bốn tu thế đi đứng nằm ngồi thì chính là A-Nan.

Bấy giờ vào ngày thứ hai giữa tháng tức là ngày 17 tháng sáu, sau khi ngộ trai, thu xếp y bát xong, đại đức Ca-Diếp tập tăng vào pháp-đường (Dhammasabhā). Muốn biểu hiện sự chứng đắc cho đại chúng biết, hiền giả A-Nan không cùng đi vào với chúng tăng. Đã vào bên trong, tăng thứ thứ tự an tọa xong, chừa lại chỗ ngồi của A-Nan. Tuần tự các vị hạ tọa kính lễ thượng tọa, đến chỗ trống, họ hỏi: - Chỗ này dành cho ai?

Đáp: - Để cho A-Nan.

Hỏi: - A-Nan đang ở đâu?

Biết tâm niệm của chúng tăng, A-Nan hiện thần túc, biến mất khỏi chỗ cũ và hiện thân ra chỗ ngồi.

Sau khi chúng tăng đã an tọa, Đại Ca-Điếp thưa: -Các trưởng lão, thuyết Pháp-tạng hay Luật-tạng trước?

Các Tỳ kheo đáp: - Đại đức, tạng Luật là mạng sống của Phật-pháp (Buddhasāsana). Tạng luật tồn tại thì Phật-pháp tồn tại. Thế nên, chúng ta kết tập tạng luật trước.

Hỏi: - Ai làm pháp-sư?

- Xin cử trưởng lão Ưu-ba-ly (Upali).

Trong chúng có người hỏi: - Vì sao A-Nan không làm pháp-sư được?

Đáp: - A-Nan không làm pháp-sư được. Vì sao? Khi còn tại thế, Phật thường khen ngợi rằng trong đệ tử Thanh văn của Ta, Ưu-Ba-Ly là người trì luật đệ nhất.

Trong chúng có người nói: - Đã đúng lúc hỏi Ưu-Ba-Ly để kết tập Luật-tạng.

Tôn giả Ma-ha Ca-Điếp tác bạch yết-ma hỏi Ưu-Ba-Ly: - Trưởng lão tăng già lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp với tăng, tăng đồng ý, tôi xin hỏi Ưu-Ba-Ly về những điều trong pháp tỳ-ny. Đây là lời tác bạch.

Ưu-Ba-Ly tác bạch yết-ma: - Đại đức tăng già lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp với tăng, tăng đồng ý. Tôi xin trả lời về pháp Tỳ-ny với đại đức Ca-Điếp. Đây là lời tác bạch.

Sau khi bạch yết-ma xong, Ưu-Ba-Ly chỉnh đốn y phục, hướng về đại chúng Tỳ kheo, làm lễ sát đất, sau đó lên tòa an tọa, cầm quạt ngà che trước mặt. Sau khi an tọa, Ca-Điếp hỏi Ưu-Ba-Ly: - Trưởng lão, giới Ba-la-dy thứ nhất (Pathama parājika) được nói ra ở đâu và cho ai?

Đáp: - Được chế ở Tỳ-xá-ly (Vesālī), phát sinh do Tu-Đề-Na con của Ca-Lan-Đà (Sudinna Kalandakaputta).

Hỏi: - Phạm tội gì?

Đáp: - Phạm tội bất tịnh hạnh (Methunadhamma).

Ca-Điếp hỏi Ưu-Ba-Ly về tội, nhân duyên, người phạm, sự chế giới, chế thêm (Vatthu, Nidāna, puggala, Pannatti, anupannatti), có tội (Āpatti) cũng hỏi, không có tội (anāpatti) cũng hỏi. Như vậy, Đại Ca-Điếp hỏi và đư?c Ưu-Ba-Ly trả lời tường tận về nguyên nhân gốc ngọn của pháp Ba-la-dy thứ nhất cho đến thứ hai, thứ ba, thứ tư. Do đó, gọi là phẩm bốn Ba-la-dy.

Tuần tự hỏi về (13) Tăng-già-bà-thi-sa (sanghādisesa), hai pháp bất-định (Aniyata), ba mươi pháp Ny-tát-kỳ-ba-dạ-đề (nissaggiyapācittiya), chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề (pācittiya), bốn pháp Ba-la-đề-xá-ny (pātiesaniya), bảy mươi lăm pháp Chúng-học (sekhiya), bảy pháp Diệt-tránh (adhikaranasamatha). Như vậy là kết tập xong phần đại Ba-la-đề-mộc-xoa (mahā-pātimokkha = mahā-vibhanga). Tiếp theo là hỏi về tám pháp Ba-la-dy của ny gọi là phẩm Ba-la-dy, mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Ny-tát-kỳ-ba-dạ-đề, (một trăm) sáu mươi sáu pháp Ba-dạ-đề, tám pháp Ba-la-đề-xá-ny, bảy mươi lăm pháp Chúng học, bảy pháp Diệt-tránh. Như vậy là kết tập xong phần Ba-la-đề-mộc-xoa của Tỳ kheo ny. Thứ đến, kết tập về Kiền-đà (khandhaka), đến Ba-ly-bà-la (Hán dịch: Tam tần tử yết ma) (parivāna)... như vậy là tạng luật được kết tập hoàn tất. Đại đức Ca-Điếp đem hết từng vấn đề ra hỏi và được Ưu-Ba-Ly trả lời đầy đủ, nên gọi là Năm-trăm-la-hán kết tập tạng-luật. Sau đó, trưởng lão Ưu-Ba-Ly hạ quạt

xuống và rời khỏi tòa cao, hướng về các đại đức Tỳ kheo làm lễ. Sau khi làm lễ, tôn giả trở về chỗ ngồi cũ.

Đại Ca-Diếp nói: - Đã kết tập luật-tạng xong, đến lượt kết tập pháp-tạng thì vị nào làm pháp sư?

Khi ấy, các Tỳ kheo đề cử trưởng lão A-Nan. Đại đức Ca-Diếp tác bạch yết-ma: Trưởng lão tăng già lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp với tăng, tăng chấp nhận, tôi xin hỏi trưởng lão A-Nan về pháp-tạng. Đây là lời tác bạch.

Tôn giả A-Nan lại tác bạch: - Đại đức tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp với tăng, tăng chấp thuận, tôi xin trả lời với đại đức Ca-Diếp về pháp-tạng. Đây là lời tác bạch.

Bấy giờ, A-Nan rời khỏi chỗ ngồi, bày vai áo bên phải, đánh lễ đại đức tăng rồi lên tòa, cầm lấy quạt bằng ngà.

Đại đức Ca-Diếp hỏi A-Nan: - Kinh Phạm-võng trong pháp-tạng được thuyết ra ở đâu?

A-Nan đáp: - Kinh ấy được thuyết tại căn nhà ở vườn xoài của Vua (Rājāgaraka Ambalathikā) trên đoạn đường giữa thành Vương-xá và Na-lan-đà (Nālanda).

Hỏi: - Phát sinh do ai?

Đáp: - Phát sinh do hai người là Tu-bi-đạ Ba-ly-bà-xà-ca và bà-la-môn Kiền-đa (Suppyya paribbājaka, Brahmadattamānavaka).

Đại đức Ca-Diếp hỏi A-Nan về nhân duyên đầu đuôi của Kinh Phạm-võng xong, thứ đến hỏi về Kinh Sa-môn quả (Sāmannaphala) được thuyết ở đâu?

A-Nan đáp: - Được thuyết tại vườn Kỳ-bà (Jivakambavana) thành Vương-xá.

Hỏi: - Thuyết cho ai?

Đáp: - Được thuyết cho vua A-xà-thế con của Phạm-khí... (Ajātasattu Vedehiputta).

Như vậy, như các nhân duyên đầu đuôi của kinh Sa-môn quả, theo phương pháp như vậy, Ca-Diếp hỏi về năm Bộ-kinh (panca-nikāya). Thế nào là năm Bộ-kinh?

Đáp: - Kinh Trường A-hàm (Āgama, Dīgha-Nikāya), Trung A-hàm (Majjhima-Nikāya), Tăng-thuật-đa (Samyutta-Nikāya), Ương-quật-đa-la (Anguttara-Nikāya), Khuất-đa-ca (Khuddaka-Nikāya).

Hỏi: - Kinh Khuất-đa-ca là gì?

Đáp: - Trừ bốn bộ A-hàm ra, tất cả những pháp khác do Phật dạy đều gọi là Khuất-đa-ca kinh.

Tất cả tạp-kinh đều do A-Nan nói lại, trừ tạng Luật. Lời Phật dạy chỉ có một vị những phân biệt thành hai công năng. Theo ý vị của lời nói pháp mà chia thành ba là đầu, giữa, cuối; tam tạng cũng như vậy bao gồm Giới, Định, Tuệ nhưng phân theo hình thức giống nhau thì có năm Bộ kinh, nếu phân biệt riêng từng loại thì có chín bộ kinh. Như vậy, tính theo từng nhóm (tụ) thì có tám vạn pháp tạng (pháp-uẩn).

Hỏi: - Sao gọi là một vị?

Đáp: - Từ khi chứng quả Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác cho đến khi vào Niết-bàn, trong bốn mươi lăm năm này, Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp cho trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và phi nhân... chỉ là một vị; chỉ có một tính chất giải thoát đó là một vị.

Hỏi: - Thế nào là hai?

Đáp: - Đó là pháp-tạng và luật-tạng.

Hỏi: - Nói đầu, giữa, cuối là gì?

Đáp: - Phật dạy có đầu, giữa, cuối; Đó là ba.

Nói kệ:

*Lưu chuyển vô số kiếp,
Đi mãi không ngừng nghỉ,
Chỉ tìm kẻ làm nhà,
Tái sinh nhiều kiếp khổ.
Nhà ơi! Thấy người rồi,
Không còn làm nhà nữa,
Tắt cả xương, gân, cốt,
Nát hết không tái sinh.
Tâm đã thoát phiền não,
Ai tận, đạt Niết-bàn. -- (Dhammapada 153,154)*

Bấy giờ, có vị pháp-sư (Buddhaghosa) (Keciyadà have pàtubhavanti dhammà ti khandhake udàna-gātham àhuesà panapàtipadadivase sabbannubhāvappattassa somanassamāyanānena paccayākāram paccavekkhantassa uppannā udāna-gāthā ti veditabhā) giải thích kệ Ưu-đà-na này là: - Khi vừa chứng nhất-thiết-trí vào ngày thứ ba trong tháng, Như Lai vui mừng quán sát các nhân duyên nói nói lên là bài kệ, đây là lời nói đầu tiên.

Đã chứng pháp duyên sinh, Kiền-đà-ca có nói.

Khi sắp nhập Niết-bàn, Như Lai dạy bảo các Tỳ kheo:

- Sống trong pháp của Ta, các thầy không nên lười biếng; đây là lời dạy tối hậu. Những lời nói giữa hai thời gian trên, gọi là nói ở giữa.

Hỏi: - Ba tạng là gì?

Đáp: - Tạng Tỳ-ny (Luật), tạng Tu-đa-la (Kinh), tạng A-tỳ-đàm (Luận). (Vinayapitaka, suttantapitaka, abhidhammapitaka); gọi là tam tạng.

Hỏi: - Tạng Tỳ-ny (Luật) là gì?

Đáp: - Hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa, hai mươi ba kiền-đà, ba-ly-bà-la; gọi là tạng Tỳ-ny. {Dve vibhangāni (2 tỳ-băng-già), Dvāvisati Kha dhakāni (22 Kiền-đà), sotasa parivāra (16 phẩm ba-ly-bà-la)} gọi là tạng Tỳ-ny.

Hỏi: - Tạng Tu-đa-la (kinh) là gì?

Đáp: - Đứng đầu là kinh Phạm-võng, tất cả 34 kinh (catuttimsa-sutta) đều xếp vào Trường A-hàm; đứng đầu là Căn-mâu-la-ba-ly-da (Mūlapariyāya-sutta - Kinh Pháp môn căn bản), tất cả 152 (252?) kinh đều xếp vào Trung A-hàm; đứng đầu là Ô-già-đa-la-a-

bà-đa-na (Oghatara-apadāna samp. Oghaturana-sutta), tất cả 7762 kinh đều xếp vào Tăng-thuật-đa, đứng đầu là triết-đa-ba-ly-đa-đa-na tu-đa-la (cittapariyādāna-sutta), tất cả có 9557 kinh đều xếp vào Ương-khuất-đa-la; pháp cú-dụ, khu đa na, y đức Phật, đa già ny ba đa, tỳ ma na, tỳ đa, thể lý già đa, bốn sinh, ny thể bà, ba trí tham tỳ đa, Phật chủng tánh kinh, nhĩ dụng tạng (Khuddakapāṭha - Pháp ngấn, Dhammapada - Pháp cú, Udāna - Tự thuyết, Itivuttaka - Bản sự, Suttanipāta - Tập kinh, Vimānavatthu - Sự tích cung trời, Petavatthu - Sự tích ngựa quý, Therā - Trưởng lão tăng kệ, Therīgāthā - Trưởng lão ny kệ, Jātaka - Bản sinh, Niddesa - Mục lục, Patisambhidā - Con đường đưa đến trí tuệ, Apadāna (dụ) - Chiến thắng của đức Phật, Buddhavamsa - Pháp hệ của Phật, Cariyāpitaka - Tạng thánh-hạnh) chia thành mười lăm phần đều xếp vào Khuất-đa-ca. Đây gọi là kinh tạng.

Hỏi: - A-tỳ-đàm (luận) tạng là gì?

Đáp: - Là pháp tăng già tỳ băng già đa suất ca tha da ma ca bát xoa bức già la bộn na kỳ ca tha bạt dụ (dhammasangani - pháp-tập-luận, vibhanga - phân-biệt-luận, dhātukathā - phạm-trù-pháp, puggalapannatti - nhân-thi-thiết-luận, kathāvatthu - thuyết-sự, yamaka - song-luận, patthāna - nhân-duyên-luận).

Đây là tạng A-tỳ-đàm.

Hỏi: - Tỳ-ny (luật) nghĩa là gì?

Đáp:

*Đem đến nhiều sự tốt,
Điều phục nghiệp thân, miệng
Bậc biết ý nghĩa luật,
Giảng nghĩa luật như vậy.*

Hỏi: - Năm thiên của Ba-la-đề-mộc-xoa là gì?

Đáp: - Đứng đầu là Ba-la-di, gồm năm thiên thành bảy nhóm tội (bảy tụ) là mẫu số các loại giới (mātika) đưa đến thành tựu phạm hạnh vững chắc, bằng những phương tiện rộng rãi để kết giới, tùy theo những hành động bất thiện của thân và miệng, đây là giữ lấy thân khẩu nghiệp nên gọi là Tỳ-ni-đa.

Hỏi: - Tu-đa-la (Kinh) nghĩa là gì?

Đáp:

*Mở bày nhiều giáo nghĩa,
Lời thiện như hoa lúa
Kinh vĩ và dũng tuyên,
Thẳng-mặc, chỉ quán xuyên
Gọi là Tu-đa-la,
Nghĩa thâm thâm vi diệu.*

Hỏi: - Mở bày nghĩa là gì?

Đáp: - Nghĩa là tự mở bày ra ý nghĩa và làm người khác hiểu nghĩa.

Hỏi: - Lời thiện là gì?

Đáp: - Trước quán sát tâm họ, sau đó mới nói ra lời toàn thiện.

Hỏi: - Trở ra như hoa lúa là gì?

Đáp: - Như gié lúa trở tươi tốt thì kết hạt lúa chắc.

Hỏi: - Kinh vĩ là gì?

Đáp: - Nhờ sợi chỉ (ngang dọc) nên dệt được.

Hỏi: - Dũng tuyến là gì?

Đáp: - Như suối, lảy được nhiều nước và chảy ra mãi.

Hỏi: - Thăng mặc là gì?

Đáp: - Như dây mực thăng có thể loại bỏ phần cong của khúc gỗ.

Hỏi: - Đỉnh (sợi chỉ) là gì?

Đáp: - Như hoa được sợi chỉ khâu lại thì bị gió thổi cũng không phân tán, tu-đa-la cũng như vậy, khâu kết các pháp tướng lại làm cho không phân tán.

Hỏi: - A-tỳ-đàm (luận) là gì?

Đáp:

*Có người ý, thức pháp,
Khen ngợi và phán đoán,
Pháp tăng trưởng được thuyết,
Gọi là A-tỳ-đàm.*

Trong bài kệ nói về A-tỳ-đàm này thì ý, thức, khen ngợi, phán đoán, tăng trưởng là nghĩa A-tỳ-đàm.

Hỏi: - Ý (nghĩ) là gì?

Đáp: - Trong kinh có câu: Có người nói ý nghĩ rất mau lẹ như thế nào, đó là nghĩa chữ ý của A-tỳ-đàm.

Hỏi: - (Tri) thức là gì?

Đáp: - Luận thật rõ về chỗ tối của câu kinh; gọi là ý nghĩa tri thức của tỳ-đàm.

Hỏi: - Khen ngợi là gì?

Đáp: - Vua trong các luận vua (Ràjàbhiraan); đây là ý nghĩa khen ngợi của a-tỳ.

Hỏi: - Phán đoán là gì?

Đáp: - A-tỳ có đầy đủ các năng lực; đây là ý nghĩa phán đoán của a-tỳ.

Hỏi: - Tăng trưởng là gì?

Đáp: - A-tỳ có rất nhiều (abhikkanta) (Hán gọi là trưởng); đây là ý nghĩa tăng trưởng (adhika) của a-tỳ.

Lại nói rằng sinh lên Sắc-giới, tâm từ quán khắp một phương, đó là ý nghĩa của thức, biết rõ sắc, thanh cho đến xúc là ý nghĩa của thức. Tán thán nghĩa là pháp vô thượng

trong pháp hữu học, pháp vô học ở thế gian; đây là ý nghĩa tán thán. Phán đoán nghĩa là tiếp xúc với pháp thì (nhờ nó mà) được hiểu biết, đó là ý nghĩa phán đoán. Trường nghĩa là pháp vĩ đại không thể lường được là pháp vô thượng; đó là ý nghĩa trường. Nên hiểu nghĩa a-tỳ với nghĩa như vậy. Đàm nghĩa là pháp.

Hỏi: - Tạng (pitaka) nghĩa là gì?

Kê đáp:

*Kho trí, chứa nghĩa vị,
Theo nghĩa khí cụ học
Ta gom lại nói chung,
Người hiểu nghĩa kho chứa,*

Là ý nghĩa của tạng. (pitakam pitakatthavidū pariyattibhājanatthato àhu tena samodhānetvā tayo pivināyadayo neyya)

Hỏi: - Tạng là gì?

Đáp: - Tạng nghĩa là học; đây là kho chứa pháp. Như trong kinh có câu: Như người cầm dao, búa bên đi đến (atha puriso āgaccheyya kuddālapitakam ādāya'ti); đây là nghĩa khí cụ (bhājana). Đã nói chung về ý nghĩa của ba tạng, phải biết có hai nghĩa. Đã nói lược về Tỳ-ny-tạng, chứa trí cũng gọi là chứa nghĩa, Tu-đa-la cũng như vậy. Lại nói rằng A-tỳ-đàm cũng là chứa đựng, vậy là đã biết rõ. Lại nữa, các sự việc chỉ dạy Phật pháp trong tạng là dùng các ngôn ngữ phân biệt tùy theo sự trói buộc mà học để loại trừ tướng sâu xa, phá tan tướng hợp lý, tuân tự theo ý nghĩa mà phổ diễn ra bằng văn tự. Nay, tuân tự trình bày ý nghĩa ba tạng này.

Ngay trong A-tỳ nói a-tỳ có những nghĩa là ý, thức, tán thán, đoạn tiết, vượt qua, rộng, lớn, vô thượng. Ý nghĩa là ghi nhớ. Thức là phân biệt. Tán thán là thường được bậc thánh khen ngợi. Đoạn tiết là phân biệt từng kệ. Vượt qua là vượt qua các pháp khác. Rộng là pháp rộng rãi nhất trong các pháp. Lớn là pháp vĩ đại nhất trong các pháp. Vô thượng là không pháp nào sánh bằng. Chữ đằm có nghĩa là cứ, thừa, hộ. Cứ nghĩa là đặt để chúng sinh vào đường thiện. Thừa nghĩa là nhận lấy chúng sinh không cho đi vào ba đường ác. Chữ hộ nghĩa là ủng hộ chúng sinh làm cho được các sự khoái lạc. Tạng là vật chứa. Vật chứa là gì? Vật chứa nghĩa là có khả năng tụ tập số nhiều.

Hỏi: - Tạng (a-tỳ-đàm) và a-tỳ-đàm là đồng hay khác nghĩa?

Đáp: - Đồng nghĩa.

Hỏi: - Nếu đồng nghĩa thì chỉ nói a-tỳ-đàm là đủ, cần gì phải nói tạng?

Đáp: - Thánh nhân thuyết pháp muốn cho câu văn phải đầy đủ nên đặt thêm chữ tạng. Ý nghĩa ba tạng cũng như vậy. Lại nữa, vì chỉ báo, vì giáo dục, vì phân biệt, vì giữ gìn, vì xả bỏ, vì tướng sâu xa, vì lý hợp. Tỳ kheo đến nơi nào cũng nên phổ diễn rõ tất cả ý nghĩa như vậy. Ba tạng như vậy theo uy đức tuân tự như vậy hiển rõ nghĩa đúng, tùy tội lỗi, tùy so sánh, tùy giáo pháp, tùy theo kiến chấp trói vào sự sai khác của danh sắc. Người nào y theo tỳ-ny mà thực hành thì được nhập định; đắc định thì đầy đủ ba đạt-trí. Thế nên giới là gốc của việc tu tập. Nhờ chánh định nên đạt được cả sáu thần thông. Người nào tu học A-tỳ-đàm thì phát sinh trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật đã phát sinh thì dù bốn biện tài. Người nào tùy thuận theo giới luật thì đạt được thế gian lạc.

Thế gian lạc là gì? Người có tịnh giới thì được trời người khen ngợi, thường nhận bốn sự cúng dường của thế gian. Trong thế gian lạc này loại trừ dục lạc. Như trong kinh nói

rằng: Đã hiểu biết lời Phật dạy nên con không sống tại gia mà xuất gia học đạo và chứng đắc đạo quả. Người đắc đạo nhờ vào năng lực giới, định, tuệ.

Người theo điều ác là do không có trí tuệ. Do không có trí tuệ nên hiểu sai lời Phật dạy. Do hiểu sai nên phỉ báng Như Lai, tạo các nghiệp ác, tự hại thân mình. Theo nhân duyên này, tài kiến phát sinh tràn lan. Do kém học về a-tỳ-đàm mà bắt ép tâm làm gáp thì tâm sinh phóng dật suy nghĩ lung tung. Như trong kinh có bảo các Tỳ kheo: - Có bốn pháp không nên suy nghĩ mà suy nghĩ, thì làm cho tâm phát cuồng. Pháp-sư (Buddhaghosa) nói: Như vậy, tuân tự đã nói qua việc phá giới, tà kiến, loạn tâm, thiện, bất thiện.

Kệ nói:

*Đầy đủ không đầy đủ,
Đạt được do hành động,
Tỳ kheo ưa thích học,
Phải mến trọng pháp này.*

Biết ý nghĩa tạng như vậy, cần phải biết tất cả lời Phật dạy. A-hàm nghĩa là gì?

Pháp-sư nói: - Có năm A-hàm. Một: Trường A-hàm. Hai: Trung A-hàm. Ba: Tăng-đục-đa a-hàm. Bốn: Ương-khuất-đa-la a-hàm. Năm: Quật-đa-ca a-hàm.

Hỏi: - Trường A-hàm là những gì?

Đáp:- Gồm ba phẩm, đứng đầu là kinh Phạm-Võng, tổng cộng có 34 kinh đều xếp vào ba phẩm nên gọi là Trường A-hàm.

Pháp-sư hỏi: - Vì sao gọi là trường (dài)?

Đáp: - Tập hợp các bài pháp thật dài nên gọi là trường.

Hỏi: - Sao gọi là A-hàm?

Đáp: - A-hàm nghĩa là tụ tập dung chứa. Như trong kinh nói: Phật dạy các Tỳ kheo rằng trong ba cõi này, Ta không thấy một A-hàm nào như súc-sinh a-hàm, chỉ là nơi tụ tập của chúng sinh ; là nghĩa này vậy. Trung A-hàm cũng nên biết là không dài, không ngắn nên gọi là trung. Có mười lăm phẩm, đứng đầu là kinh Căn-Học, tất cả là 152 kinh gọi là Trung A-hàm.

Vào tháng bảy, Đại Ca-Điếp đã kết tập thành tựu pháp của Đấng Thập-lực xong. Thuận theo mọi người, mặt đất hoan hỷ khen ngợi: Lành thay, lành thay.

Cho đến tận biên giới nước, khắp nơi đều chấn động sáu cách và xuất hiện nhiều tướng tốt đẹp kỳ diệu. Đây gọi là kết tập lần đầu của đại chúng 500 vị La-hán. Như có kệ nói:

*Năm trăm vị trong đời,
La-hán kết pháp này,
Gọi kết-tập Năm-trăm,
Xin Chư-hiền cùng biết.*

(yà loke, satehi pancahi katà tena pancasatà ti ca, tereh'eva katattà ca therikà ti pavuccatitì)

Hỏi: - Khi ấy, đại chúng nói: Đại Ca-Điếp hỏi Ưu-Ba-Ly nơi kết giới, phạm xứ, nhân duyên, người phạm về giới Ba-la-dy, như thế nào xin đại đức cho biết.

Đáp: - Thời gian, nhân duyên, vì người nào mà kết giới, đây là thứ lớp kết giới, tôi sẽ nói ra: Khi ấy, đức Phật ở Tỳ-lan-nhã... (tena samayana Buddho Bhagavà Veranjàyam viharati).

Hỏi: - Việc này được nói lại lúc nào?

Đáp: - Nói trong lần kết tập đầu tiên với 500 vị.

Như vậy, lần lượt các ý nghĩa được trình bày ra.

Hỏi: - Vì sao Ưu-Ba-Ly nói ra?

Đáp: - Vì Đại Ca-Điếp .

Hỏi: - Như vậy giới bốn đã ban hành, vậy ai đang giữ gìn, người giữ đang ở đâu?

Đáp: - Tôi sẽ nói nguồn gốc, nay xin nói ý nghĩa từng câu. Khi ấy, đức Phật ở Tỳ-lan-nhã. Đây là nguồn gốc của luật-tạng được nói ra như vậy. Trưởng lão Ưu-Ba-Ly thọ trì với đức Phật khi Ngài chưa nhập Niết-bàn. Ngàn vạn vị La-hán chứng sáu thần thông thọ trì với Ưu-Ba-Ly. Sau khi Thế Tôn Niết-bàn, đứng đầu là Đại Ca-Điếp với đại chúng từ bi tập hợp ở khắp đất Diêm-phù-ly (Jambusirivhaya).

Ai đã thọ trì? - Đầu tiên là Ưu-Ba-Ly, rồi tuần tự các vị luật sư truyền trì, cho đến các đại đức trong đại chúng thứ ba thọ trì. Tuần tự nêu ra danh hiệu các vị thầy ấy là Ưu-Ba-Ly, Đại-tượng-câu, Tô-na-câu, Tất-già-phù, Mục-kiền-liên-tử-tế-tu (Dāsaka, Sonaka, Siggava, Tissa Maggaliputta) năm vị này chiến thắng phiến não, tuần tự truyền trì luật không gián đoạn ở cõi Diêm-phù-ly, cho đến tất cả các vị luật sư thứ ba đều xuất phát từ Ưu-Ba-Ly, đó là kế thừa theo Ưu-Ba-Ly.

Vì sao? Chính Ưu-Ba-Ly được nghe giới luật từ kim-khẩu của Phật, ghi nhớ trong tâm rồi ban phát cho người khác. Trong những người được biết, có vô số không thể tính hết là bậc học-nhân. Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm; có đến một ngàn ái-tận Tỳ-kheo (Khināsava - lậu tận). Đại-tượng-câu là đệ tử của Ưu-Ba-Ly, trực tiếp nghe thầy dạy, tự hiểu rõ hết lý sâu xa. Có vô số bậc học nhân mới được lĩnh thọ, có một ngàn ái tận Tỳ-kheo. Tô-câu-na là đệ tử của Đại-tượng-câu; sau khi học luật trực tiếp với thầy, đọc tụng tự hiểu thấu rõ luật. Có vô số bậc học-nhân mới được lĩnh thọ, có một ngàn ái tận Tỳ-kheo. Tất-già-phù là đệ tử của Tô-na-câu. Sau khi trực tiếp học luật với thầy, trong số 1000 vị A-la-hán, với căn tính tối thắng Tất-Già-Phù đã hiểu biết về luật. Với vô số bậc học nhân mới được lĩnh thọ, có trăm ngàn vô số ái tận Tỳ-kheo.

Khi ấy, tại Diêm-phù-ly có vô số chúng Tỳ-kheo. Theo thần lực của Mục-Kiền-Liên-Tử-Đế-Tu, đại chúng thứ ba muốn tạng Tỳ-ny như vậy hiện diện trong Diêm-phù-ly (Evam idam vinayapitakam jampudipe tava imāya ācariyaparamparāya yava tatiyasamgiti tava ābhatan ti veditabbam). Các pháp sư đã tuần tự thọ trì cho đến đại chúng thứ ba; nên biết như vậy.

Hỏi: - Đại chúng thứ ba là gì?

Đáp:- Đây là (các đại đức) kết tập xong diệu pháp rực rỡ bằng trí tuệ vào lần thứ (ba).

Có bài kệ khen ngợi:

*Năm trăm vị trú thế,
Với trí tuệ sáng suốt,
Đại đức Ca-Điếp-Ba
Đứng đầu năm trăm vị.*

Cũng như đèn hết dầu,
Vào Vô-dư Niết-bàn.

(Xin xem tiếp Phần 1.b)

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001